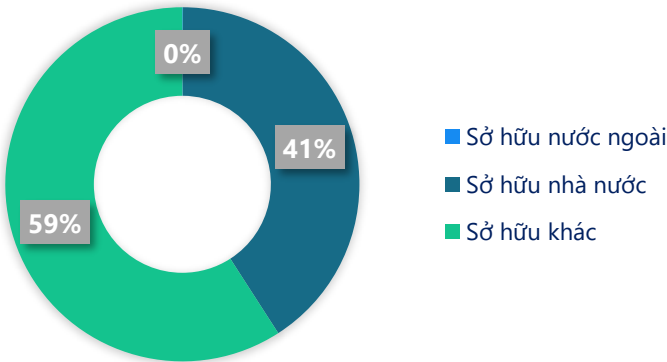


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		3,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,885
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		11
P/E		
EPS		

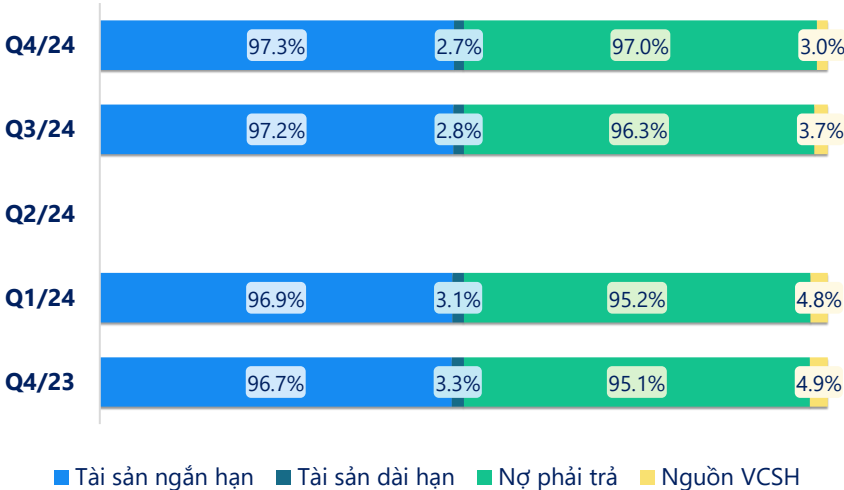
	YTD	1T	3T	6T
L43		-6.1%	-16.2%	19.2%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu sở hữu



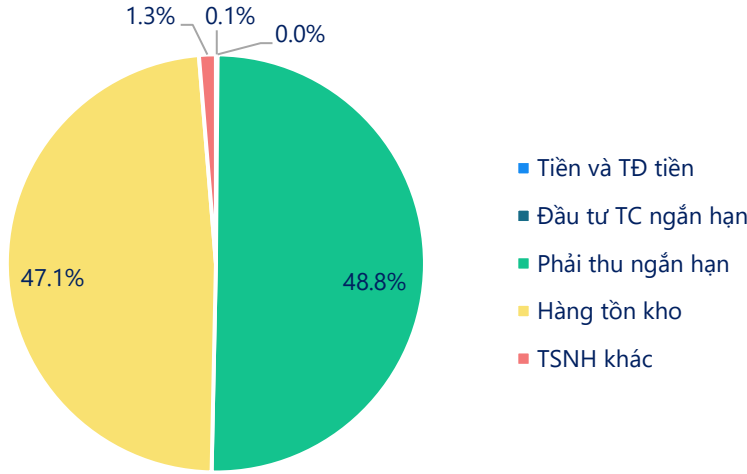
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

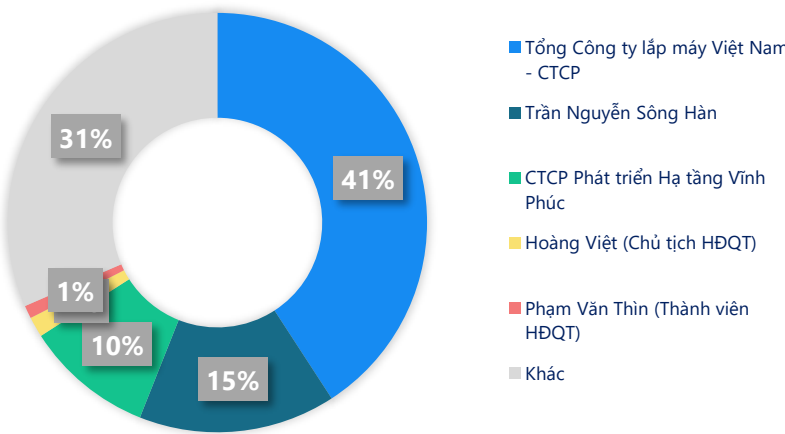
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/24

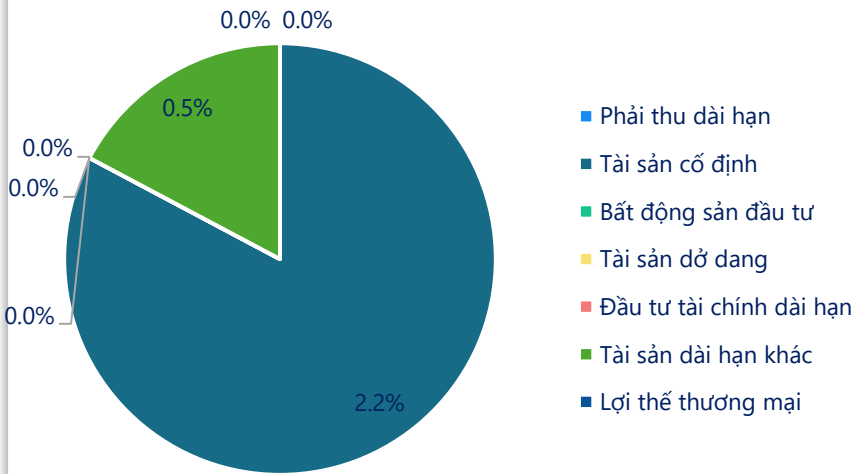
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



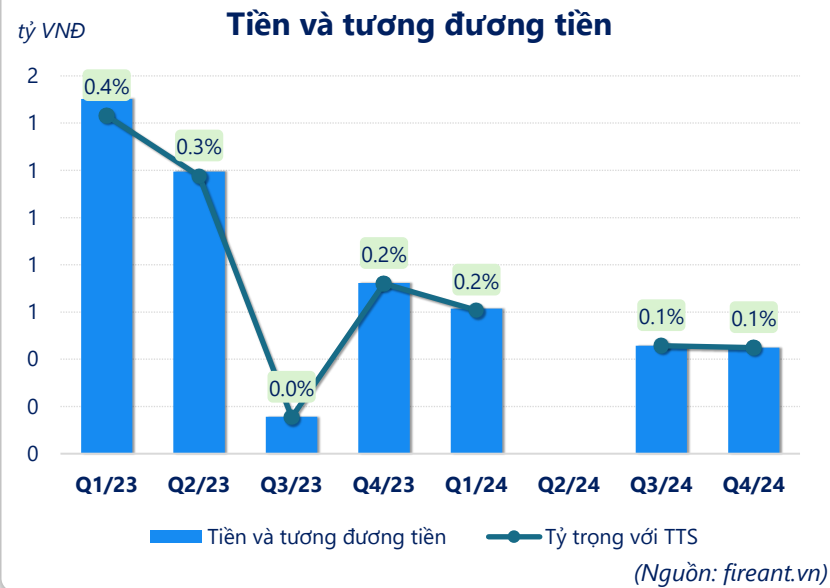
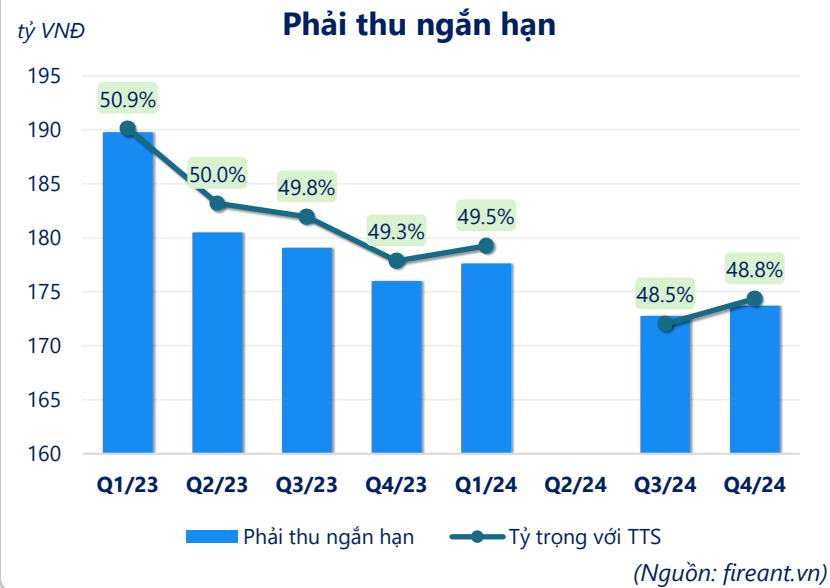
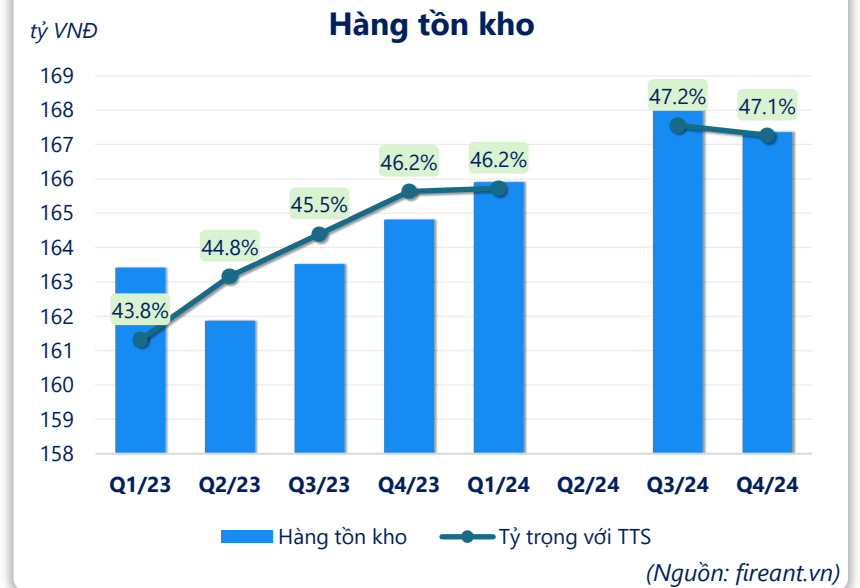
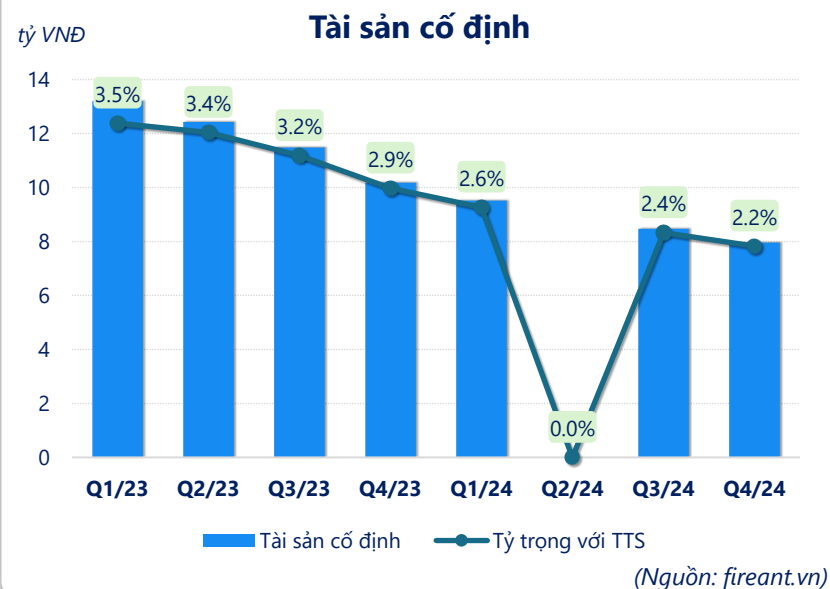
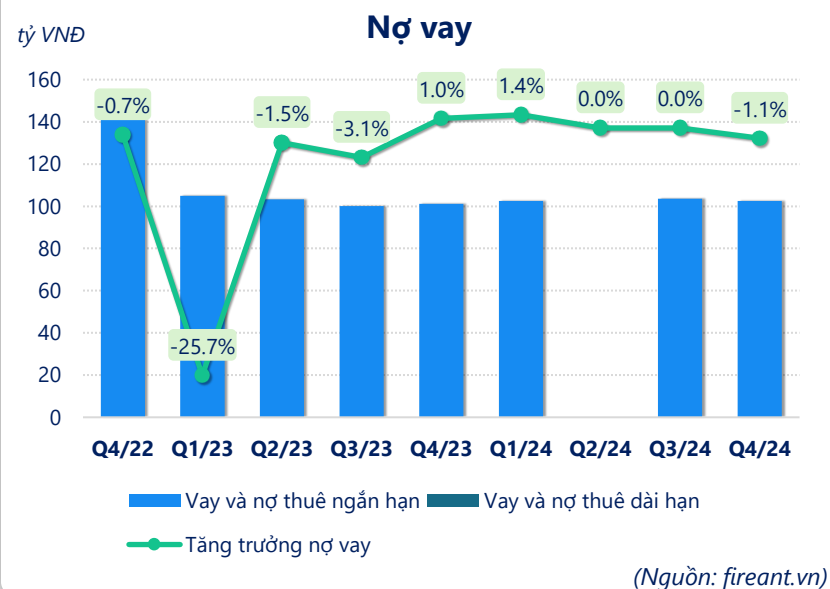
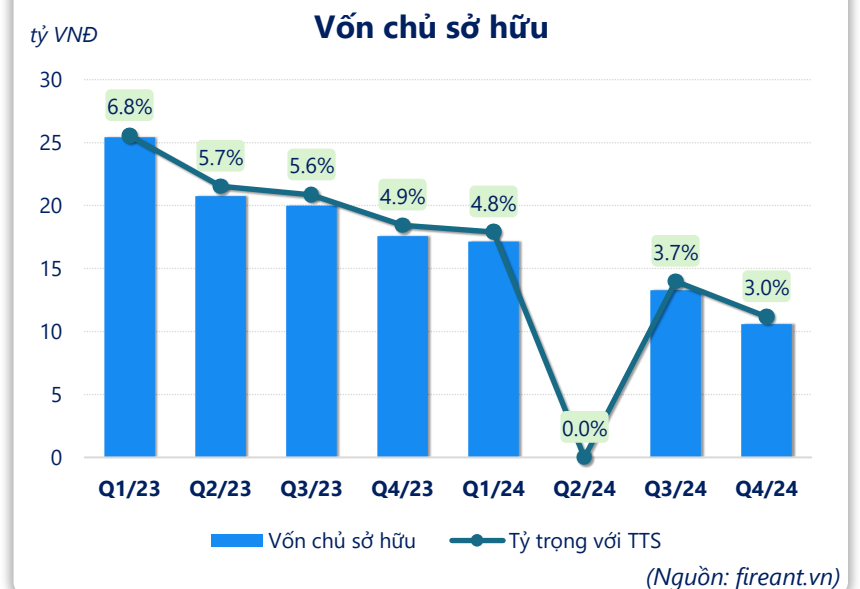
(Nguồn: fireant.vn)

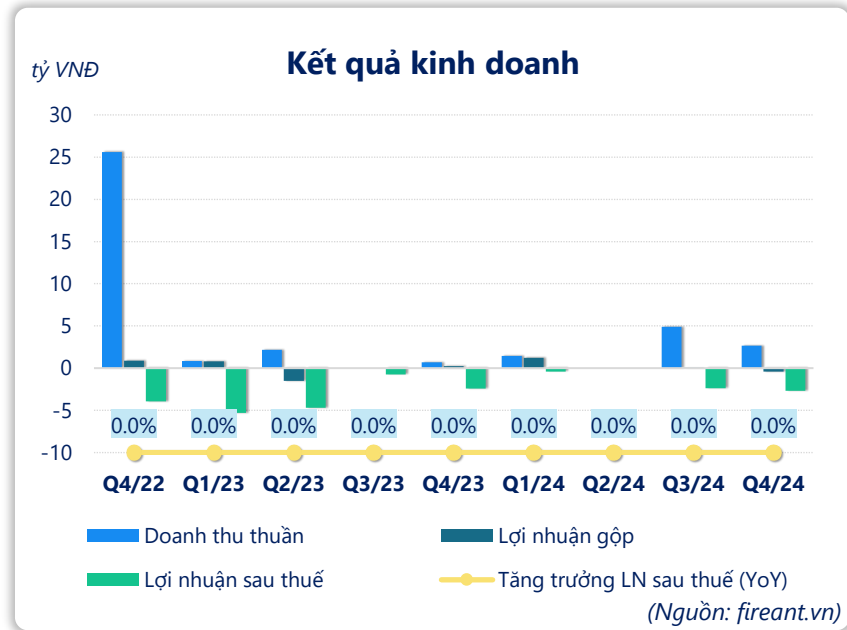
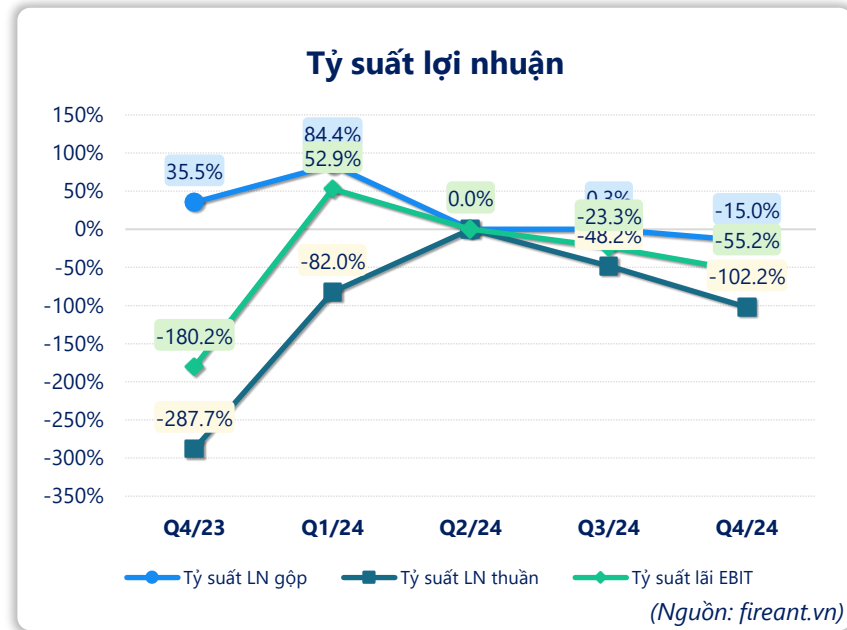
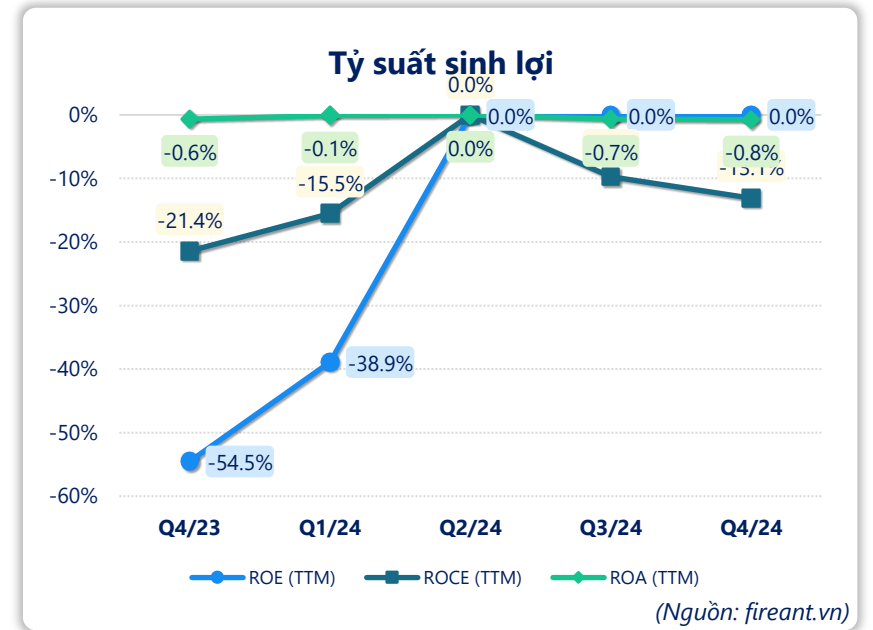
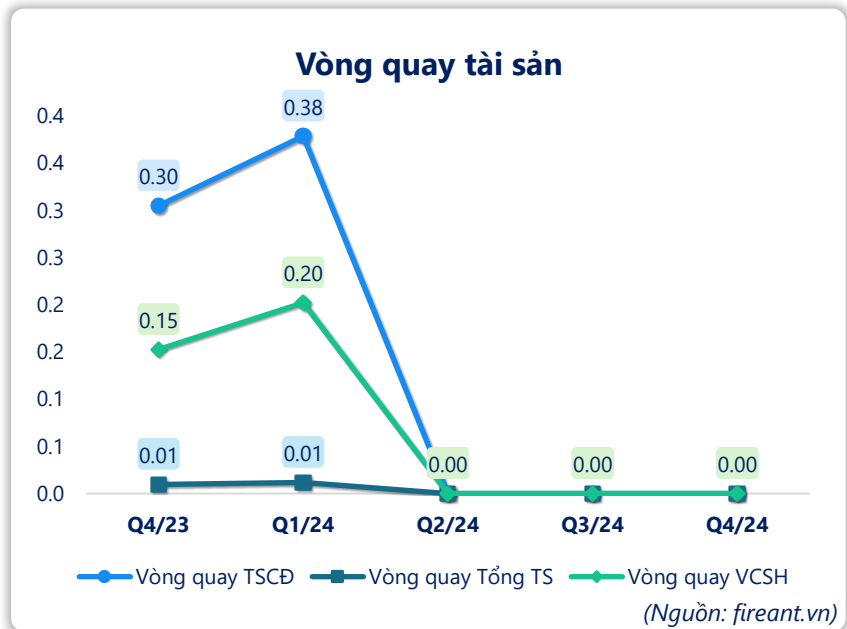
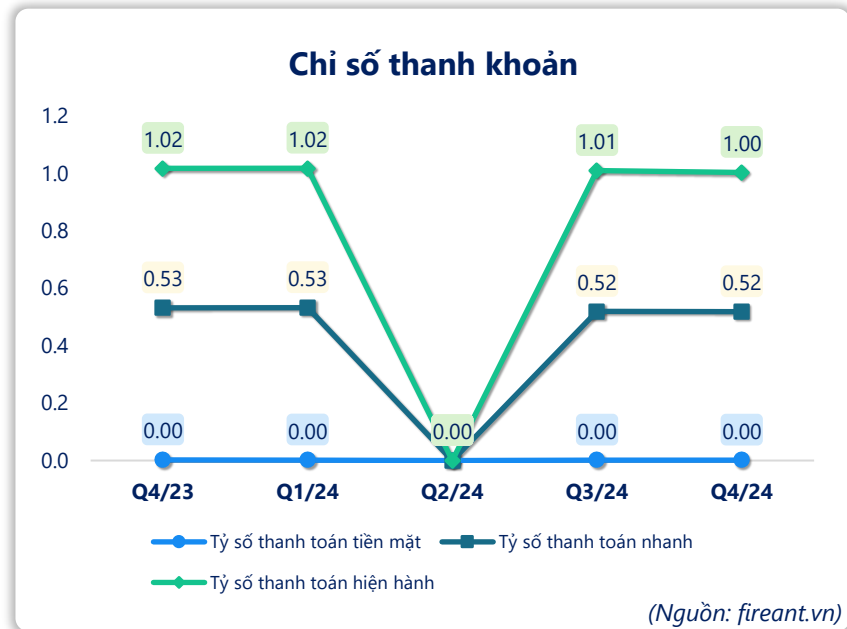
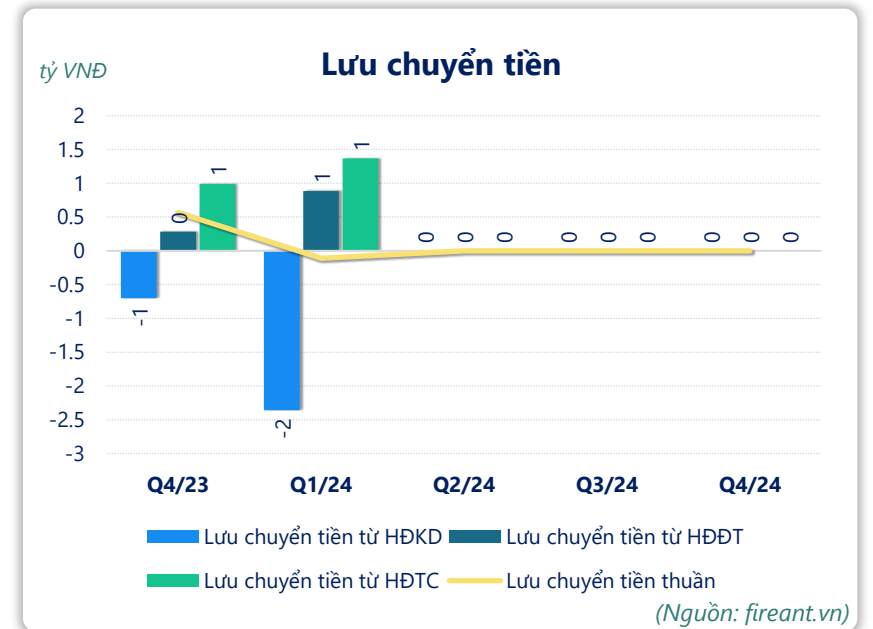
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/24

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	356	357	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	346	345	0.3%
Tiền và tương đương tiền	0.45	0.72	-37.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	174	176	-1.3%
Hàng tồn kho	167	165	1.5%
Tài sản ngắn hạn khác	4.51	3.58	25.9%
Tài sản dài hạn	9.61	11.9	-19.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	7.96	10.2	-21.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.66	1.71	-3.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	345	339	1.6%
Nợ ngắn hạn	345	339	1.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	101	1.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.7	95.6	0.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	10.6	17.6	-39.7%
Vốn chủ sở hữu	10.6	17.6	-39.7%
Vốn điều lệ	35.0	35.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0.69	1.44		4.91	2.65
Giá vốn hàng bán	0.44	0.23		4.89	3.05
Lợi nhuận gộp	0.24	1.22		0.01	-0.40
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.00
Chi phí TC	1.18	1.18		1.22	1.21
Chi phí lãi vay	1.18	1.18		1.22	1.21
LN trong công ty LKLD	0	0		0	0
Chi phí bán hàng	0	0		0	0
Chi phí QLDN	1.04	1.22		1.15	1.09
LN thuần từ HĐKD	-1.97	-1.18		-2.36	-2.71
Lợi nhuận khác	-0.44	0.76		-0.01	0.03
LN trước thuế	-2.41	-0.42		-2.37	-2.68
Lợi nhuận sau thuế	-2.41	-0.42		-2.37	-2.68
LNST của CĐ cty mẹ	-2.41	-0.42		-2.37	-2.68

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.70	-2.36	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.28	0.88	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.99	1.37	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.16	0.72	0	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	0.57	-0.11	0	0	0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.72	0.61	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)